



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01979

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : PBT1
Số lượng/ khối lượng : 74 bao/ 1850 kg
Ngày sản xuất : 20/3/2025
Hãng, nước sản xuất : Qingdao GBW Group Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : GY004-2 ngày 16/4/2025
Hóa đơn số : INV-GY004-2 ngày 16/4/2025
Vận đơn số : JWLEM25040352
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 2857/HQ-GDK-TTKN ngày 28/4/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250034723)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH AMP VIỆT NAM**
Địa Chỉ: Số 50/19B, Đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số:701 /QĐ-TTKN
Ngày 23 tháng 5 năm 2025



Hà Thanh Tùng



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số báo cáo: BNNPTNT29250034723

1. Tên cơ sở sản xuất: Qingdao GBW International Trading Co., Ltd./ CHINA
2. Tên cơ sở nhập khẩu (nếu có): CÔNG TY TNHH AMP VIỆT NAM
3. Sản phẩm thử nghiệm: PBT1
4. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
5. Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu			Mức yêu cầu	Đánh giá
		Số	Tên phòng thử nghiệm	Kết quả thử		
Tên mẫu: PBT1 (BNNPTNT29250034723)						
1	As vô cơ: mg/kg	4884/2025/TTV1-KN	Trung tâm Vùng I	<0,9	≤ 3	Phù hợp
2	Pb: mg/kg			KPH	≤ 5	Phù hợp
3	Hg: mg/kg			<0,05	≤ 0,1	Phù hợp
4	Escherichia coli: CFU/g			< 10	≤ 10	Phù hợp
5	Salmonella spp: CFU/25g			KPH	KPH	Phù hợp
6	Aflatoxin B1: µg/kg	5172/2025/TTV1-KN	Trung tâm Vùng I	KPH	≤ 10	Phù hợp
7	Cd: mg/kg			<0,15	≤ 3	Phù hợp

6. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):

☒ Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.

☐ Chỉ tiêu thử nghiệm không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.

☐ Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn kiến nghị không chứng nhận.

Kiến nghị (Nếu có): Trong quá trình đánh giá chuyên gia phân nhóm sản phẩm chưa đầy đủ và gửi mẫu phân tích còn thiếu chỉ tiêu. Chuyên gia đánh giá đã gửi mẫu bổ sung phân tích những chỉ tiêu còn thiếu. Đề nghị CBTX xem xét trình Lãnh đạo ký giấy chứng nhận.

Ngày: 23/5/2025

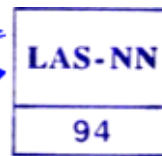
Chuyên gia đánh giá

Lê Phước Dũng



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 4884/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Lê Phước Dũng
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Lê Phước Dũng
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 14132505303
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 13/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 13/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
PBT1 (BNNPTNT2925003 4723)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	<0,9	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 16/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

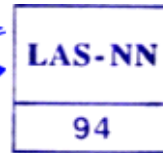
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 5172/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Lê Phước Dũng
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Lê Phước Dũng
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 14132505303
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 13/05/2025 và 19/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 13/05/2025 và 19/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
PBT1 (BNNPTNT2925003 4723)	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011

Cần Thơ, ngày/date: 22/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.